

# THIỆT CHẾ DÒNG HỌ TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI HÔNG VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG QUẢN LÝ XÃ HỘI HIỆN NAY (Qua nghiên cứu xã Phông Lái, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La)

HỒ LY GIANG

## 1. Tổng quan nghiên cứu về dòng họ người Hông

Nghiên cứu dòng họ là nền tảng cơ bản để hiểu về quan hệ xã hội của tộc người trong bất kỳ xã hội nào. Nhiều nhà nghiên cứu đã cho rằng, dòng họ là trung tâm của những nghiên cứu về nhân học từ cuối thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX. Một số nhà nghiên cứu kinh điển nổi tiếng như Maine, McLennan, và Morgan là những nhà nghiên cứu đầu tiên về dòng họ. Trong cuốn sách của Morgan “*System of Consanguinity and Affinity of the Human Family*” chỉ ra sự khác nhau giữa thuật ngữ dòng họ, mô tả và phân loại dòng họ. Sự khác nhau này được các nhà nhân học khác chấp nhận và trở thành một nguyên lý cơ bản cho nghiên cứu về dân tộc học và nghiên cứu về dòng họ (Lowie, 1916; Radcliffe-Brown, 1935; Lévi-Strauss, 1943; Leach, 1945; Schneider và Homans, 1955, 1965; Service, 1960).

Nghiên cứu về dòng họ của người Hông đã được đề cập ở khá nhiều công trình và các nhà khoa học có tên tuổi trên thế giới. Trong nghiên cứu của Nicholas Tapp về dòng họ người Hông và những bản sắc của họ cũng đã khẳng định rằng cả cấu trúc xã hội và hệ thống dòng họ người Hông mượn từ người Trung Quốc từ rất lâu rồi, có thể sau Triều đại Sung “960-1279” (1989, tr. 167).

Chính quan điểm này được Chengleng Vang đồng tình khi nghiên cứu về lịch sử của người Hông ở Trung Quốc (Vang, 2000). Theo Vang, ít nhất cũng có 3 nghiên cứu chứng tỏ người Hông không có tên họ. Dòng họ đóng vai trò quan trọng trong xã hội người Hông. Geddes, tiến hành nghiên cứu cộng đồng người Hông ở Thái Lan vào những năm 1960 chỉ ra “Cấu trúc phả hệ của một dòng họ bao gồm vài thế hệ mà chưa từng biết đến. Có một số nhánh nhỏ của phả hệ dòng họ có thể nhận ra nhau trong sự liên kết cây phả hệ. Người Hông gọi dòng họ là “*seng*”. Theo Cooper (1983), thuật ngữ này bắt nguồn từ Trung Quốc từ “*shing*” và “*xing*”, có nghĩa là nhóm người cùng dòng họ.

Tuy nhiên, ông ta dùng thuật ngữ “*Seng*” chứ không dùng thuật ngữ Xeeem để chỉ tên họ (Lyman, 1968, tr. 3). Hay nói một cách khác, Cooper đưa ra “Xã hội người Hông tổ chức dòng họ theo dòng cha theo mô hình của Trung Quốc “Nhóm tên họ”. Tuy nhiên, trong số hơn 400 nhóm tên họ của người Trung Quốc thì người Hông có khoảng 20 tên họ (1978, tr. 305 - 306; 1991, tr. 18). Yang Dao (1993) ước tính rằng số lượng dòng họ người Hông ở Lào gần 20, trong khi đó Kao-Ly Yang (1998) sưu tập một danh sách từ 6 nguồn (từ các học giả và các thông tin viên) của 32 dòng họ Hông ở tất cả các nước Đông Nam Á. Người Hông

ở Mỹ di cư từ Lào vào năm 1975, có 18 dòng họ (Lispajlaum, nd.; Mundahl, Moore, và Chang, 1994, tr. 19). Kao-Ly Yang (đang xuất bản), tiến hành thu thập tài liệu thứ cấp và phỏng vấn trực tiếp, thu thập được 32 dòng họ Hmông. Số lượng chính xác về dòng họ Hmông có thể vẫn đang được tiếp tục thống kê. Barth (1969) và Leach (1954) đưa ra luận điểm rằng có thể xuyên qua được biên giới dân tộc, với các nhóm thường xuyên qua lại lẫn nhau. Theo tác giả Prasit Leepree Cha, dòng họ đóng vai trò quan trọng trong xã hội người Hmông. Trong văn hóa người Hmông, điều đầu tiên khi hai người Hmông gặp nhau là hỏi xem họ thuộc họ nào. Trong xã hội người Hmông, dòng họ là một tổ chức cây phá hệ kết hợp tất cả các thành viên mà được thừa nhận là con cháu cùng chung một ông tổ, mặc dù họ không thể truy nguyên đến tận gốc ông tổ của mình (Prasit, 2001).

Đối với các nhà Dân tộc học Việt Nam, hầu hết các quan điểm cho rằng thiết chế dòng họ được coi là cái cốt lõi trong xã hội của người Hmông, nhưng cũng có nhiều quan điểm khác nhau khi nói đến vấn đề này. Nhà nghiên cứu Vương Duy Quang phân dòng họ của người Hmông thành 3 cấp độ. Thứ nhất, dòng họ bao gồm tất cả những người theo trục hệ và bàng hệ tính từ chất của ego (*xinlz nxux*) đến ông tổ của ego (*txux cungz*). Người Hmông diễn tả hình tượng từ một ông tổ sinh ra bằng thuật ngữ *iz trôngs* (cùng một cây người). Thứ hai, từ cộng đồng *trôngs* lại phân thành *chêl* (cành); ông tổ của cộng đồng *chêl* là một trong những ông tổ trong cộng đồng *trôngs*. Thứ ba, ở cấp độ nhỏ hẹp hơn nữa, người Hmông có thuật ngữ *phangl* (mái); Ông tổ của cộng đồng *phangl* là một trong những ông tổ trong cộng đồng *chêl*. *Phangl* là đơn vị nhỏ

nhất trong các cấp độ cấu trúc của cộng đồng dòng họ người Hmông (1987, tr. 72).

Cũng quan tâm về người Hmông, Phạm Quang Hoan cho rằng dòng họ của người Hmông ở Việt Nam chứa đựng hai phạm trù cố kết:

1. *Cố kết rộng*: Bao gồm tất cả những người cùng họ không phân biệt người đó cư trú ở đâu. Trong ngôn ngữ Hmông, cùng một dòng họ với nhau “là anh em”. Bởi thế khi hai người mới gặp nhau, người Hmông có tục nhận họ để biết người bạn của mình cùng dòng máu hay khác dòng máu. Tức là có cùng họ hay không. Nếu như cùng họ và cùng chung các nghi lễ cúng thì anh ta chỉ việc đến nhà người bạn là được tiếp đón niềm nở và được giúp đỡ như những người trong cùng dòng họ của mình. Như vậy, trong xã hội của người Hmông, những người có chung một ông tổ, cùng tộc họ đều nhận nhau là anh em. Giữa “anh em”, sự giúp đỡ tương thân tương trợ lẫn nhau và gắn bó mật thiết với nhau là điều hiển nhiên. Nói một cách khác, sự cố kết rộng của một dòng họ (*xênh*), không tính theo các tiêu chí phá hệ mà chỉ cần có họ và những điều kiêng kỵ.

2. *Cố kết hẹp*: Trong một bản người Hmông, thường có vài dòng họ cư trú. Mỗi dòng họ được xem như một đơn vị cố kết cộng đồng huyết thống theo dòng cha. Tiêu chuẩn để nhận ra dòng họ là các vị tổ tiên mà dòng họ thờ phụng. Ông tổ là người đã chết mà người già ở thế hệ cao nhất trong phá hệ còn nhớ. Thông thường nếu tính từ thế hệ con lên đến ông tổ là 3 đời hoặc cũng có thể 4 đời: ego - cha - ông - cụ. Người cụ mà ở thế hệ ông còn sống vẫn nhớ tên chính là ông tổ dòng họ (1994, tr. 49).

Gia đình người Hmông theo chế độ phụ hệ đặc trưng, người đàn ông làm chủ gia đình và là người đại diện của gia đình giao tiếp với xã hội bên ngoài. Người phụ nữ khi đã về nhà chồng thì trở thành “ma” của nhà chồng, không được phép sinh con hay chết trong ngôi nhà của bố mẹ đẻ. Con gái không được quyền thừa kế tài sản.

Dòng họ trong quan niệm của người Hmông được xác định không chỉ là những người có cùng quan hệ huyết thống mà phải là những người “*đrus sênhv, đrus đang*” có nghĩa là phải cùng họ cùng ma. Cùng họ có nghĩa là phải cùng tên họ như các họ Vàng, Giàng, Sùng, Thào... và cùng ma có nghĩa là cùng chung các nghi lễ cúng và những kiêng kỵ, ví dụ trong các nghi lễ cúng ma quan trọng như ma bò (*nhu đă*), ma buồng, ma bép... những người cùng họ cùng ma đều có những lễ vật cúng như nhau, cách gọi ma như nhau. Chính vì vậy, những người cùng họ không nhất thiết chỉ là những người thân thuộc có quan hệ họ hàng mà có thể ở những nơi rất xa thậm chí chưa hề quen biết nhau nhưng khi tìm hiểu có cùng những nghi lễ cúng thì họ có thể nhận là họ hàng của nhau và xem như anh em thân thiết trong gia đình.

Thông thường nhất là những người có quan hệ dòng họ trong phạm vi hẹp. Người Hmông thường cư trú thành từng cụm nhỏ hay từng bản riêng biệt. Mỗi bản có những khu vực của mỗi dòng họ riêng. Trong mỗi dòng họ này thường có từ một chục tới vài chục hộ gia đình có quan hệ huyết thống từ 4 đến 5 đời trở lại. Các thành viên trong dòng họ này thường gắn bó với nhau bởi quan hệ huyết thống theo người cha. Mỗi thành viên của họ là những nam giới và vợ con của họ.

## 2. Một số đặc trưng của dòng họ người Hmông

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 5 dòng họ: Sùng, Thào, Vừ, Giàng, Mùa của người Hmông Trắng ở bản Mô Cống bằng việc dựng các phả hệ của từng dòng họ, qua đó đã hiểu rõ được quan niệm của người Hmông về dòng họ. Trong đó họ Sùng được chia thành 2 nhánh: Họ Sùng Chúa Po và họ Sùng Và Ly. Cùng là họ Sùng nhưng nghi lễ cúng lại khác nhau như: mộ người chết của họ Sùng Chúa Po được đắp đất và rải cây mâm xôi là cây *Pò đă* nên được gọi là Sùng Chúa Po. Có nghĩa là họ sùng của cây *Pò đă*. Còn Sùng Và Ly thì mộ được rào bằng tre. Tại bản Mô Cống họ Sùng Chúa Po của ông Sùng Giả Dia vẫn còn nhớ tên của tất cả các thành viên trong dòng họ tính từ đời chắt đến đời kị (7 đời), có tất cả 153 người. Các thành viên của dòng họ Sùng chủ yếu sống tập trung tại bản Mô Cống, ngoài ra họ còn cư trú ở bản Phiêng Luông, xã Phông Lái; xã Nặm Giắt, huyện Thuận Châu, Sơn La và huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Ông tổ của dòng họ là Sùng Gà Sừ đã chết ở xã Pú Nhung trước khi người của dòng họ này chuyển cư đến bản Mô Cống hiện nay. Dòng họ Vừ của ông Vừ A Lầu cũng nhớ được toàn bộ thành viên của dòng họ mình, có 115 người cư trú tại bản Mô Cống và xã Cò Tong, huyện Thuận Châu, Sơn La. Ngoài ra họ còn cư trú tại các tỉnh khác như xã Pú Nhung, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Dòng họ Thào có 60 người gồm 5 thế hệ được sinh ra từ một ông tổ tên là Thào Trừ Dính. Những người thuộc dòng họ Thào ngoài cư trú ở bản Mô Cống, còn sinh sống ở bản Lồng, bản Há Tàu, xã Chiềng Ve, huyện Thuận Châu, Sơn La và xã Tỏa Tình, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Các dòng họ Mùa, Giàng cũng nhớ rất rõ số người và ông tổ của dòng họ mình.

Người Hmông ở bản Mô Công gọi dòng họ là *Xênhv*. *Xênhv* bao gồm những người đàn ông thuộc các thế hệ khác nhau sinh ra từ một ông tổ và vợ con của họ. Thành viên của các dòng họ còn phân biệt rất rõ giữa dòng trực hệ, người ta gọi nhau là “cùng chung một mẹ một cha” và dòng bàng hệ “anh em chú bác”. Những người cùng dòng họ, tức là “cùng ma” có thể chết tại nhà của nhau. Nếu không phải là anh em cùng dòng họ thì người Hmông tự xem là “không thờ chung những người chết”. Theo quan niệm dòng họ của họ Sùng thì bất cứ ở đâu nếu cùng chung họ Sùng đều là anh em họ hàng. Điều này cũng trùng với nhận định của Phạm Quang Hoan (1994) khi ông bàn về phạm trù cố kết rộng của dòng họ Hmông.

Dòng họ của người Hmông là một đơn vị ngoại hôn, nghĩa là tất cả những người cùng một dòng họ, cùng thờ chung một ông tổ dù xa đến mấy đời cũng không được phép có quan hệ hôn nhân với nhau. Nếu người cùng dòng họ kết hôn với nhau thì phải chịu phạt vạ rất nặng, thậm chí còn bị đuổi ra khỏi dòng họ và khi chết không được làm ma theo nghi thức của dòng họ mình. Chẳng hạn như họ Giàng có quy định nếu hai người trong họ lấy nhau thì sẽ bị phạt 12 lạng bạc trắng, 1 con bò và đôi nam nữ đó bị đuổi ra khỏi dòng họ. Mức phạt đối với tội loạn luân của dòng họ Thào là 5 kg thịt lợn, 10 lít rượu và bị đuổi ra khỏi dòng họ.

Những thành viên cùng dòng họ cùng tỏ tiên còn nhận biết nhau qua các kiêng kỵ về ăn uống, qua các lễ cúng của dòng họ, nhất là nghi thức cúng ma bò (*nhu đă*) - lễ đền ơn bố mẹ đã qua đời, qua cách thức cúng ma buồng (*đá trông*), qua cách đặt người chết trong nhà và cách đặt hướng mộ, các kiêng kỵ của từng dòng họ... Mỗi thành

viên của từng dòng họ phải biết và thực hiện đầy đủ những kiêng kỵ và nghi lễ đó, trường họ có trách nhiệm truyền thụ cho mỗi thành viên trong dòng họ mình về điều này. Chẳng hạn như họ Sùng Chúa Po kiêng ăn thịt gấu, kiêng con dâu trèo lên gác bếp; họ Giàng kiêng ăn tim động vật; họ Vừ khi gặp nhau mà cùng họ thì chỉ cần hỏi là mộ đất hay sếp đá, nếu cùng họ mà mộ đắp đất là người cùng ma; ngoài ra, họ Vừ kiêng ăn loại nấm mọc trên cây *pò già*. Còn họ Mùa nhận biết người cùng dòng họ, cùng ma qua cách đặt người chết trong nhà: Khi người trong họ chết, họ để người chết nằm ngang nhà, đầu quay về bên phải *Xử ca*, chân quay về phía trái nhà. Những kiêng kỵ này đều gắn với một tích truyện trong từng dòng họ và được truyền từ đời này sang đời khác. Mỗi thành viên đều phải ghi nhớ và có nghĩa vụ chấp hành đầy đủ các điều kiêng kỵ đó của dòng họ mình. Nếu không tuân thủ các kiêng kỵ và vi phạm quy ước của dòng họ thì sẽ bị tỏ tiên trừng phạt, gây ốm đau bệnh tật và nhiều sự rủi ro khác.

### 3. Quan hệ của dòng họ

#### 3.1. Quan hệ về xã hội

Trong xã hội truyền thống của người Hmông, dòng họ có vai trò to lớn. Quan hệ cộng đồng dòng họ tác động chi phối mọi mặt trong đời sống của từng gia đình, từng thành viên và cũng là nền tảng xây dựng nên hệ thống tổ chức xã hội ở bản, ở vùng. Trong những biểu hiện mang tính cộng đồng dòng họ, trước hết phải nói đến quan hệ cư trú. Địa vực cư trú chung là một tiền đề tạo nên sự cố kết vững chắc trong các mối quan hệ kinh tế - xã hội của dòng họ. Từ lâu đời tâm lý quản tụ theo dòng họ đã trở thành một điểm đáng chú ý. Những người đứng đầu dòng họ cùng các gia đình đã khai phá

vùng đất đai sinh sống của dòng họ mình. Về sau địa vực đó được mở rộng, các gia đình khác họ cũng đến cộng cư. Do đó ở bản Mô Cống không chỉ có một dòng họ sinh sống mà có tới 5 dòng họ cùng sinh sống trong một bản. Không như người Hmông ở các nơi khác là các gia đình trong họ sống thành những cụm gần nhau mà ở Mô Cống các dòng họ sống xen kẽ với nhau. Tuy nhiên không vì thế mà mất đi sức mạnh cố kết của từng dòng họ. Mặc dù sống xen kẽ với các dòng họ khác nhưng họ vẫn ở quần tụ gần nhau, không sống rải rác ở những quả đồi khác nhau. Việc quần tụ những người cùng dòng họ là nhu cầu cần thiết, là điều kiện tạo nên sức mạnh tập thể để giúp đỡ, bảo vệ nhau khi gặp hoạn nạn, khó khăn.

Trong cưới xin, tang ma, làm nhà mới - công việc của từng gia đình - nhưng toàn thể các thành viên trong dòng họ đều có nghĩa vụ giúp đỡ. Thậm chí những gia đình nào khó khăn thì trưởng bản sẽ bàn bạc với các gia đình khác trong họ giúp đỡ nguyên vật liệu và xây dựng nhà cho những hộ đó. Riêng cột cái chính nơi sau này hồn ma trú ngụ thì đích thân ông trưởng họ chọn giúp. Trường hợp gia đình nào có đám ma thì cả dòng họ đứng ra lo liệu. Gia đình đó quá nghèo không làm nổi đám ma, cả dòng họ có nghĩa vụ đóng góp rượu, thịt, gạo... Người chủ ma tuy không nhất thiết là trưởng tộc nhưng cũng phải là thành viên am hiểu lễ tục của dân tộc mình.

Tính cộng đồng dòng họ biểu hiện trong lễ nghi tôn giáo ở người Hmông rất rõ nét. Dòng họ mang những đặc trưng nhất định trong nghi lễ làm ma. “Cùng ma” là đặc trưng quan trọng nhất của dòng họ, nó phân biệt dòng họ này với dòng họ khác. Cách thức làm ma của mỗi họ khác nhau, như

trong cúng ma bò “*nhu đa*”, ma lợn “*đa trông*”, ma cửa “*đa khó trông trà*” đều có sự khác nhau riêng biệt giữa họ này với họ khác. Người Hmông cho rằng những nghi thức này được đặt ra từ thời ông tổ của dòng họ và được lưu truyền miệng qua các thế hệ con cháu. Các thành viên trong từng dòng họ phải có nghĩa vụ thực hiện và giữ gìn.

Trong đám ma, điều quan trọng để phân biệt dòng họ là việc đặt hương mộ, cách chôn cất người chết. Khi làm ma bò, ma lợn, ma cửa, sự khác nhau giữa các dòng họ còn thể hiện ở số lượng và các phần bát bày trong nghi lễ cúng. Có dòng họ chỉ dùng một bát để cúng, có họ bày 5 bát, 7 bát, 13 bát, 33 bát... Một số họ dùng số bát như nhau, song cách xếp thịt trong bát lại khác nhau. Đa số các họ chỉ dùng thịt lợn để cúng trong ma cửa, nhưng có họ phải thêm thịt gà, thịt sóc...

Hàng năm, các dòng họ thường tổ chức lễ “đuổi tà ma”. Đó là hình thức họp mặt toàn thể dòng họ dưới dạng sinh hoạt tôn giáo. Thông qua việc cầu mong sự tốt lành đến với các thành viên, lễ “đuổi tà ma” nhằm thắt chặt sự cố kết hơn giữa những người anh em cùng ma hay cùng dòng họ.

Cộng đồng dòng họ người Hmông cũng định ra những luật tục rất nghiêm khắc, nổi bật là tục cấm kết hôn trong dòng họ, kể cả những anh em khác ma song trùng tên dòng họ; tục không bao giờ để người khác họ chết hay đẻ ở nhà mình. Luật tục còn quy định cả nghĩa vụ, trách nhiệm của các thành viên trong dòng họ. Người Hmông có câu: “Sống là người của dòng họ, chết là ma của dòng họ. Sống phải bảo vệ nhau, chết phải chôn cất cho nhau”. Trong cuộc sống, người Hmông tuân thủ nghiêm ngặt những lễ nghi, kiêng kỵ của dòng họ mình; những người trong dòng họ phải giúp đỡ nhau, bảo vệ

nhau, gặp chuyện vui buồn cũng đến chia sẻ với nhau. Mỗi quan hệ giữa các thành viên trong dòng họ thường vượt qua cả ranh giới hành chính, quốc gia. Người dòng họ dù cư trú ở bất cứ nơi đâu đều phải thực hiện luật tục của dòng họ mình.

Nhìn chung tổ chức dòng họ không giống một cơ cấu hành chính. Mọi việc xử lý đều dựa vào tình cảm và luật tục của dòng họ, có tính dân chủ và các thành viên đều phải thực hiện một cách tự nguyện.

### 3.2. Quan hệ về kinh tế

Tuy cư trú theo địa vực, song các dòng họ không có đất chung để canh tác. Ruộng đất là của các gia đình (vợ chồng cùng con cái) nằm trong khối cộng đồng của dòng họ. Trước đây, khi một dòng họ di cư đến vùng nào đó, các gia đình tự khai phá đất và có quyền sở hữu toàn bộ đất mà gia đình tự khai phá. Dòng họ không có ruộng đất công, ruộng đất thờ cúng hay ruộng đất dành cho các chức dịch. Ở bản Mô Công, có hai dòng họ đến cư trú ở đây lâu đời nhất là họ Sùng và họ Vừ. Nếu các gia đình cùng dòng họ hay khác dòng họ nếu muốn đến Mô Công sinh sống. Trước tiên họ phải đến xin phép trưởng bản. Nếu trưởng bản đồng ý, họ mới rời gia đình về tự khai phá các mảnh đất chưa khai phá. Trong trường hợp hết đất khai thác như bây giờ thì họ phải hỏi những gia đình nhiều đất của các dòng họ vốn ở đó. Nếu những gia đình đó đồng ý chia đất của gia đình mình cho họ thì họ mới chuyển gia đình mình tới Mô Công sinh sống. Lúc này trưởng bản và chính quyền không thể can thiệp trong việc chia đất mà chỉ có các trưởng họ của các dòng họ mới có quyền can thiệp và có tiếng nói. Các gia đình trong dòng họ là những đơn vị kinh tế độc lập. Ruộng đất thực chất thuộc quyền sở hữu gia

đình, nhưng vẫn bị chi phối bởi quan hệ dòng họ. Vì gia đình có nhiều đất đôi khi phải san xẻ bớt cho những người thiếu đất hoặc những gia đình cùng dòng họ hay ngoài dòng họ di cư đến không có đất. Hoặc gia đình nào mà không có con cháu thừa hưởng thì khi chết ruộng đất của gia đình đó được dòng họ phân cho anh em khác trong dòng họ sử dụng. Khi cần bán, trước hết cũng phải bán cho người trong họ. Tuy nhiên, việc mua bán trong dòng họ ít xảy ra, bởi khi gặp khó khăn, người trong họ thường giúp đỡ và cho nhau vay mượn, những lúc cần thiết, dòng họ có thể tổ chức chuộc lại những phần đất đã bị bán cho người khác.

Trong xã hội truyền thống của người Hmông, sự thống nhất về mặt kinh tế của dòng họ biểu hiện cụ thể ở quyền sở hữu chung về ruộng đất, rừng cây. Ở vùng có ruộng nước, ruộng đất trên danh nghĩa là thuộc về dòng họ nhưng việc khai thác, trồng trọt vẫn do từng gia đình thực hiện. Đối với ruộng được chia, các gia đình chỉ có quyền sử dụng. Khi một gia đình nào đó di chuyển cư đến nơi khác hoặc không còn thừa kế, ruộng đất lại thuộc sở hữu của dòng họ. Ông tộc trưởng sẽ quyết định phân phối cho những gia đình thiếu đất. Trường hợp vì đời sống khó khăn, gia đình có thể đem cầm ruộng đất nhưng trước tiên phải dành cho người trong dòng họ, ưu tiên cho anh em họ hàng gần nhất. Nếu dòng họ không có ai nhận mới cầm/ bán cho người ngoài. Luật tục cũng qui định: khi một họ di chuyển đi nơi khác mà khi có người chết vẫn mang về đất cũ chôn thì đất ở cũng như ruộng đất ở đó vẫn thuộc quyền của dòng họ đó. Chế độ ruộng đất truyền thống của người Hmông quy định rất cụ thể: người trong dòng họ sống ở đâu, tổ chức dòng họ quản lý ruộng đất của mình ở đó. Bởi vậy, ở tộc người này,

không có khái niệm đất bản gắn với dân bản. Việc thành viên bản khác đến thừa kế đất đai của anh em trong dòng họ mình hay khai phá thêm ruộng nương ở làng mình, vùng mình là lẽ đương nhiên và hợp lệ.

Rừng núi, khe suối trước đây cũng thuộc quyền quản lý của từng dòng họ. Mỗi thành viên đều được tự do phát rẫy làm nương, khai thác lâm thổ sản. Người ngoài dòng họ tuy có thể đến kiếm củi, hái nấm nhưng muốn làm nương phải có sự đồng ý của dòng họ quản lý. Đến mùa làm rẫy, trưởng họ cùng một số người có kinh nghiệm thường là các chủ gia đình đi chọn đất. Chọn được ngày tốt, cả dòng họ tổ chức phát rẫy chung. Số rẫy phát được đem phân chia cho từng gia đình không căn cứ vào số lao động tham gia phát mà dựa vào số nhân khẩu của từng gia đình. Ranh giới mảnh rẫy của mỗi hộ được đánh dấu bằng việc phát quang một chỗ ở giữa đám đất đã chọn, sau đó chặt một đoạn cây nhỏ chôn xuống đất, phần đầu trên chẻ thành 4 cạnh rồi cắm chéo 2 que vào đó.

#### **4. Vai trò của dòng họ trong quản lý xã hội hiện nay**

Cho đến nay, dòng họ vẫn đóng vai trò quan trọng, chi phối nhiều mặt trong xã hội người Hmông ở bản Mô Cống. Yếu tố cốt kết dòng họ cũng tác động nhiều đến gia tăng dân số của người Hmông: quan niệm dòng họ càng đông càng có sức mạnh. Chính vì vậy, ở nhiều bản người Hmông những dòng họ lớn, có thế lực thường là những dòng họ có những người được cử làm trưởng bản, tham gia vào các hoạt động của chính quyền cơ sở. Tiếng nói của họ luôn có trọng lượng trong các cuộc vận động xây dựng nếp sống mới ở thôn bản.

Trưởng dòng họ thường là người được đại diện cho cả dòng họ liên hệ với các cấp chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan như sản xuất, di chuyển cư. Ông cũng là người thường xuyên được các cấp lãnh đạo địa phương hỏi ý kiến những vấn đề liên quan đến dòng họ như việc xây dựng gia đình văn hoá, thực hiện nếp sống mới trong các sinh hoạt cưới xin, tang ma. Trưởng dòng họ cùng với tiếng nói của bà cô trong dòng họ có thể thay đổi một số nghi lễ trong phong tục cúng ma, cưới xin, tang ma theo sự thống nhất chung của cả dòng họ. Hàng năm trưởng dòng họ thường họp với các chủ gia đình vào dịp cuối năm để xem xét lại các hoạt động của dòng họ trong năm vừa qua, phân bổ các gia đình giúp đỡ nhau trong việc làm nhà, cưới xin.

Trong đời sống sinh hoạt của đồng bào Hmông, vai trò của trưởng dòng họ luôn được khẳng định. Sự thống nhất về mặt tư tưởng tinh thần có giá trị to lớn trong đời sống sinh hoạt của đồng bào. Thông qua vai trò của trưởng dòng họ, các vấn đề được giải quyết một cách thông suốt với xu hướng nhất quán với ý kiến của trưởng họ đưa ra. Sự thống nhất về mặt xã hội của dòng họ còn thể hiện khá rõ ở khu vực cư trú. Mỗi dòng họ thường cư trú thành những khu vực riêng trong mỗi bản, các gia đình thân tộc cư trú liền kề tạo thành từng cụm, thậm chí có những dòng họ lớn chiếm phần lớn trong một bản. Mặc dù có thể cư trú liền kề hay xen lẫn với các dòng họ khác trong bản nhưng sự thống nhất trong mỗi dòng họ và vai trò của trưởng dòng họ luôn được khẳng định. Đối với những dòng họ lớn như họ Sùng, họ Vừ... ở bản Mô Cống thì những vấn đề lớn trong bản luôn được xem như chính công việc của dòng họ. Hiện nay, ở

bản Mô Công trưởng bản là người của dòng họ Sùng, ông Sùng Giả Địa là một trưởng bản năng động và làm ăn kinh tế giỏi. Luôn là người đi đầu trong bản thay đổi các mô hình phát triển kinh tế và hướng dẫn các gia đình dòng họ khác thực hiện theo. Trưởng bản cũng là người có vai trò quan trọng trong việc tính toán lịch sản xuất cho cả bản. Khi cần thông báo gì cho dân bản như thông báo lịch sản xuất thì trưởng bản chỉ cần triệu tập các trưởng họ mà không cần triệu tập đủ dân bản. Chỉ thông qua các trưởng họ và trưởng họ sẽ là người chịu trách nhiệm về thông báo và bản với những người trong dòng họ mình. Từ năm 2003 bản Mô Công đã có Quy ước riêng của bản về xây dựng nếp sống văn hoá do trưởng bản và các trưởng họ trong bản soạn thảo ra. Bản quy ước của Mô Công được huyện làm mẫu cho các bản khác và xã khác học tập.

Trong những trường hợp di chuyển cư người Hmông thường di chuyển cả dòng họ thậm chí di chuyển cả một bản nhưng chủ yếu vẫn tuân theo sự chỉ đạo của những dòng họ lớn trong bản.

Trong công cuộc vận động xây dựng gia đình văn hoá mới, trưởng dòng họ có vai trò quan trọng. Trưởng dòng họ thường là người gương mẫu và bản thân gia đình ông ta cũng là gia đình gương mẫu trong công cuộc vận động dân bản thực hiện nếp sống mới. Các nghi lễ trong cưới xin, tang ma được các trưởng dòng họ chủ động lựa chọn những nghi lễ thích hợp phù hợp với phong tục tập quán, loại bỏ những hủ tục lạc hậu nặng nề. Tấm gương của trưởng dòng họ luôn có sức thuyết phục đối với các gia đình trong cộng đồng. Trong các quy ước xây dựng thôn bản văn hoá mới, trưởng dòng họ còn là người cộng sự đắc lực với trưởng bản

soạn thảo các quy ước làng văn hoá, các quy ước trong việc bảo vệ môi trường, thực hiện công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình.

### Kết luận

Khác với nhiều dân tộc thiểu số ở Việt Nam, cho đến nay thiết chế dòng họ vẫn đóng vai trò chi phối trong đời sống xã hội của tộc người Hmông. Dòng họ của người Hmông không chỉ là một cộng đồng những người có quan hệ huyết thống tính theo hệ cha mà còn là đơn vị cố kết về mặt tinh thần - tâm linh. Tính cố kết dòng họ và đặc trưng dòng họ của người Hmông được phản ánh rất rõ nét qua việc bảo tồn và thực hành các nghi lễ của dòng họ. Các thành viên của dòng họ có thể nhận biết nhau qua gia phả, đặc biệt là qua các kiêng cử nghi lễ trong các lễ cúng ma nhà. Trong những trường hợp không có quan hệ huyết thống nhưng đã nhận ra những đặc điểm trong nghi lễ cúng, những người cùng dòng họ có thể nhận nhau và thân thiết như anh em họ hàng huyết thống không kể người mới nhận ở một địa phương khác hay mới chỉ gặp nhau lần đầu. Điều kiện cần thiết để nhận cùng dòng họ phải là những người “*đrus sênhv, đrus đang*”.

Sự cố kết về mặt tinh thần cũng có vị trí quan trọng duy trì sự bền vững của dòng họ. Mỗi dòng họ có những quy định riêng trong các nghi lễ cúng. Những nghi lễ đó được kể truyền từ đời này sang đời khác tạo thành những sợi dây liên hệ vô hình giữa các gia đình, các khối cộng đồng dòng họ với nhau. Tính cố kết cộng đồng về mặt tinh thần luôn có sức mạnh để duy trì dòng họ, gia đình trong sự thay đổi, di chuyển cư của người Hmông phụ thuộc vào tập quán du canh du cư đồng thời cũng tạo nên tính bảo thủ, khép kín trong xã hội người Hmông.

Trong thiết chế dòng họ của người Hmông, ông trưởng họ và bà cô trong họ luôn có tiếng nói quyết định đối với việc duy trì và thực hành các nghi lễ liên quan đến đời sống tinh thần của dòng họ. Với những người có vị trí có tiếng nói quyết định trong dòng họ có thể làm thay đổi một số phong tục, tập quán của dòng họ. Đây là một điểm nhấn đáng lưu ý đối với các nhà quản lý và hoạch định chính sách trong công cuộc vận động đồng bào Hmông cư trú ổn định, xây dựng nếp sống văn hoá và thay đổi những phong tục tập quán còn rườm rà, phức tạp. Phát huy vai trò của trưởng dòng họ, cùng với vai trò của trưởng bản làm nòng cốt trong cuộc vận động đồng bào thực hiện nếp sống mới, hạn chế những nghi lễ rườm rà, phức tạp trong tang ma, cưới xin.

#### Tài liệu tham khảo

1. Barth (1969), *Ethnic Group and Boundaries*, Little, Brown, Boston.
2. Cha, Prasit Leepree (2001), *Kinship and Identity among Hmong in Thailand* (Thân tộc và bản sắc của người Hmông ở Thái Lan), unpublished Ph.D. Dissertation, University of Washington.
3. Cooper, Robert G. (1978), *Unity and Division in Hmong Social Categories in Thailand* in *Studies in ASEAN Sociology: Urban Society and Social Change*, Peter SJ Chen.
4. Cooper, Robert G. (1983), *Sexual Inequality among the Hmong in Highlanders of Thailand*, John McKinnon and Wanat Bhruksasri, sds. Oxford University Press, Kuala Lumpur, tr. 174-186.
5. Cooper, Robert G. (1991), *The Hmong*, Artasia Press Co.Ltd., Bangkok.
6. Yang Dao (1992), *The Hmong: Enduring Traditions in Minority Cultures of Laos: Kammu, Lua, Lahu, Hmong, and mien*, Judy Lewis, ed. Rancho Cordova, CA: Southeast Asia, Community Resource Center, Folsom Cordova Unified School District, tr. 249-326.
7. Phạm Quang Hoan (1994), “Vai trò của các thiết chế xã hội truyền thống trong việc quản lý nguồn tài nguyên cộng đồng của người Hmông”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 43-53.
8. Leach (1945), “Jinghpaw Kinship Terminology”, *Journal of the Royal Anthropological Institute* (75), tr. 59-72.
9. Leach (1954), *Political Systems of Highland Burma*, Beacon Press, Boston.
10. Lévi-Strauss, Claude (1943), “The Social Use of Kinship Terms among Brazilians”, *American Anthropologist*, (45), tr. 155-163.
11. Lowie, R. H. (1916) “Historical and Sociological Interpretations of Kinship Terminologies”, in: *Holmes Anniversary Volume*. F. W. Hodge, ed. Washington, D.C, Bryan, tr. 293-300.
12. Lyman, Thomas A. (1968), *Green Miao (Meo) Spirit - Ceremonies Ethnologica Neue Floge Band 4. E, J. Brill G. M. B. H., Koln (1-28)*.
13. Vương Duy Quang (1987), “Quan hệ dòng họ trong xã hội người Hmông”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 72-78.
14. Radcliffe-Brown, A. R. (1935), “Kinship Terminologies in California”, *American Anthropologist*, (37), tr. 530-535.
15. Service (1960), “Kinship Terminology and Evolution”, *American Anthropologist* (62), tr. 747-763.
16. Tapp, Nicholas (1989), “Hmong Religion”, in: *Asian Foklore studies, Journal of Southeast Asian Studies*.